

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/ KDTM -ST

Ngày: 31/3/2023

V/v : Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Vũ An Quân.

2. Ông Nguyễn Thanh Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Phương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2022/TLST - KDTM ngày 19/12/2022 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST- KDTM ngày 10/3/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Công ty Cổ phần NĐ.**

Địa chỉ: Xóm 4, Mỹ T, phường Mỹ X, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Bảo Q, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 413/41/14/31 Lê V, KP, Bình Trị Đ, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn: Công ty Gổ H**

Địa chỉ: Cụm CN I, xã Gia X, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Giám đốc.
(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, theo lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần NĐ được thành lập năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 27/7/2020 do phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch đầu tư tỉnh

Nam Định cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần. Việc kinh doanh của công ty nhằm mục đích lợi nhuận.

Công ty cổ phần NĐ có ký kết hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/LSND - GHD/2021 ngày 01/01/2021 với Công ty Gỗ H. Theo nội dung của hợp đồng Công ty cổ phần NĐ bán cho Công ty Gỗ H loại hàng hóa là gỗ keo ghép. Về quy cách hàng hóa, giá cả, phương thức nghiệm thu, tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc gỗ...được quy định cụ thể tại Hợp đồng nguyên tắc. Về đơn giá, số lượng hai bên thống nhất theo từng đơn đặt hàng cụ thể và được ghi trong hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty cổ phần NĐ xuất cho Công ty Gỗ H.

Sau khi ký kết hợp đồng nguyên tắc hai bên đã thực hiện việc mua bán số lượng, hàng hóa, đơn giá, thành tiền theo các hóa đơn giá trị gia tăng sau:

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000712 ngày 31/01/2021 với tổng số tiền là: 696.552.890đồng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000729 ngày 04/3/2021 với tổng số tiền là: 698.187.270đồng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000731 ngày 06/3/2021 với tổng số tiền là: 693.421.520đồng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000733 ngày 12/3/2021 với tổng số tiền hàng là 702.542.060đồng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000755 ngày 24/4/2021 với tổng số tiền 710.592.190đồng.

Tổng số tiền Công ty Gỗ H mua hàng của Công ty cổ phần NĐ là: 3.501.295.930đồng.

Theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng nguyên tắc tại Điều 6 về điều kiện thanh toán, thời hạn thanh toán: Bên công ty Gỗ H phải thanh toán cho bên công ty cổ phần NĐ 100% giá trị hợp đồng trước khi hàng xuất ra khỏi kho của bên Công ty cổ phần NĐ; hình thức thanh toán 100% bằng chuyển khoản, bằng tiền VNĐ. Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 07/03/2023 Công ty Gỗ H mới thanh toán cho công ty cổ phần NĐ tổng số tiền 769.940.000đ. Còn nợ lại Công ty cổ phần NĐ số tiền 2.731.355.930đ. Mặc dù Công ty cổ phần NĐ đã nhiều lần có công văn đề nghị Công ty Gỗ H thanh toán số tiền hàng còn nợ lại nhưng Công ty Gỗ H không có bất kỳ phản hồi nào. Do vậy, tại đơn khởi kiện Công ty cổ phần NĐ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Gỗ H phải thanh toán cho Công ty cổ phần NĐ số tiền mua hàng còn nợ là 2.925.459.620đ và lãi suất chậm trả tạm tính từ ngày 24/4/2021 đến ngày 20/10/2022 số tiền là: 789.874.097đ. Tại phiên tòa, do đến nay Công ty Gỗ H đã trả cho công ty cổ phần NĐ số tiền mua hàng là: 194.163.690đ, vì vậy Công ty cổ phần NĐ thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể yêu cầu Công ty Gỗ H phải trả cho Công ty cổ phần NĐ số tiền mua hàng còn nợ lại là 2.731.295.930đ và tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật tại thời điểm xét xử trên tổng số tiền 2.731.295.930đ (lãi suất được tính từ ngày 24/4/2021 đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm là 23 tháng 07 ngày (đề nghị Tòa án tính tròn tiền lãi suất chậm trả là 23 tháng).

2. Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Gỗ H ông Nguyễn Văn H trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của đại diện Công ty cổ phần NĐ về việc giữa hai công ty có ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa là gỗ keo ghép tấm. Quá trình thực hiện hợp đồng giữa hai bên đã thực hiện việc mua bán hàng hóa với số lượng, đơn giá theo các hóa đơn giá trị gia tăng như đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần NĐ trình bày nêu trên. Tổng số tiền Công ty Gỗ H mua hàng của công ty cổ phần NĐ là: 3.501.295.930đ. Đến nay, Công ty Gỗ H đã trả cho Công ty cổ phần NĐ số tiền 769.940.000đ, còn nợ lại số tiền 2.731.355.930đ. Lý do đến nay Công ty Gỗ H chưa thanh toán nốt số tiền mua hàng còn nợ lại cho Công ty cổ phần NĐ là do trong mấy năm qua công ty Gỗ H làm ăn khó khăn, ít đơn đặt hàng vì vậy công ty chưa có khả năng thanh toán. Đến nay quan điểm của Công ty cổ phần NĐ như sau:

- Về tiền nợ gốc: Công ty Gỗ H xác định còn nợ lại Công ty cổ phần NĐ số tiền mua hàng là 2.731.355.930đ. Đề nghị công ty cổ phần NĐ cho công ty Gỗ H thêm thời gian, đến hết năm 2024 công ty Gỗ H sẽ thanh toán hết nợ.

- Về tiền lãi: Công ty Gỗ H đề nghị Công ty cổ phần NĐ không tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn nợ lại là 2.731.295.930đ và tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 24/4/2021 đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại thời điểm xét xử (đề nghị tính tròn 23 tháng tiền lãi).

Đại diện theo pháp luật của bị đơn giữ nguyên lời trình bày : Xác định số tiền mua hàng còn nợ lại nguyên đơn là 2.731.355.930đ, đề nghị nguyên đơn cho thời gian thanh toán và đề nghị nguyên đơn không tính tiền lãi suất chậm trả.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX), nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50, 306 Luật thương mại năm 2005; Luật phí, lệ phí. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần NĐ đối với Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu gỗ Hải Dương: Buộc Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu gỗ Hải Dương phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần NĐ số tiền mua hàng còn nợ lại là: **2.731.295.930 và tiền lãi suất chậm trả là 871.624.814đ**. Tổng cộng là: **3.602.920.744đ (Ba tỷ sáu trăm linh hai triệu chín trăm hai mươi ngàn bảy trăm bốn mươi bốn đồng)**.

Về án phí: Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu gỗ Hải Dương phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả Công ty Cổ phần NĐ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- **Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:** Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán tiền mua bán hàng hóa. Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và hoạt động vì mục đích lợi nhuận nên xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có trụ sở tại Cụm CN I, xã Gia X, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 2.925.459.620đ và tiền lãi suất phát sinh do nợ quá hạn với lãi suất 1,5%/tháng tạm tính từ ngày 24/4/2021 đến ngày 20/10/2022 số tiền là: 789.874.097đ. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện do bị đơn đã trả một phần khoản nợ và đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn nợ lại là 2.731.355.930đ và số tiền lãi suất phát sinh do nợ quá hạn trên số tiền mua hàng còn nợ lại là 2.731.355.930đ với lãi suất theo quy định của pháp luật tại thời điểm xét xử tính từ ngày 24/4/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện, có lợi hơn cho bị đơn nên được HĐXX chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

- **Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 2.731.355.930 đồng phát sinh trong quá trình mua bán hàng hóa của nguyên đơn thấy:**

Căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000712 ngày 31/01/2021 với tổng số tiền là 696.552.890đồng; 0000729 ngày 04/3/2021 với tổng số tiền là: 698.187.270đồng; 0000731 ngày 06/3/2021 với tổng số là: 693.421.520đồng; 0000733 ngày 12/3/2021 với tổng số tiền là: 702.542.060đồng; 0000755 ngày 24/4/2021 với tổng số tiền là: 710.592.190đồng thì tổng giá trị hàng hóa nguyên đơn đã bán và xuất hóa đơn cho bị đơn là 3.501.295.930đồng. Theo bảng xác nhận công nợ ngày 20/02/2023 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 2.731.295.930đ. Như vậy tổng số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 770.000.000đ; số tiền còn nợ lại 2.731.295.930đ đến nay bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn.

Xét thấy việc mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn đã được ký kết theo hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01HĐNT/LSNĐ - GHD/2021; khi mua hàng bị đơn đều có đơn đặt hàng; việc mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn mỗi lần đều có hóa đơn giá trị gia tăng và biên bản giao nhận đầy đủ, rõ ràng.

Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định có việc hai bên ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa là gỡ keo ghép. Bị đơn thừa nhận nguyên đơn đã giao hàng đầy đủ cho bị đơn theo các hóa đơn giá trị gia tăng do nguyên đơn xuất trình. Do làm ăn khó khăn nên đến nay bị đơn vẫn nợ nguyên đơn số tiền nêu trên, bị đơn đề nghị nguyên đơn cho thời gian đến hết năm 2024 sẽ trả hết số tiền mua bán hàng hóa còn nợ lại nêu trên, tuy nhiên nguyên đơn không nhất trí với đề nghị của bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Điều 6 Hợp đồng nguyên tắc ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn quy định về điều kiện thanh toán, thời hạn thanh toán thì bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 100% giá trị hợp đồng trước khi hàng xuất ra khỏi kho của bên nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng nguyên tắc nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc tính đến thời điểm Tòa án xét xử là 2.731.295.930đ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật thương mại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên.

- Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả trên tổng số tiền bị đơn còn nợ lại là 2.925.459.620đ với lãi suất 1,5%/tháng tạm tính từ ngày 24/4/2021 đến ngày 24/9/2022 với số tiền là 745.992.203đ. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả tiền lãi chậm trả kể từ ngày 24/4/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm đối với số tiền bị đơn còn nợ lại là 2.731.295.930đ theo quy định của pháp luật tại thời điểm xét xử. Căn cứ vào Điều 6 Hợp đồng nguyên tắc ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn quy định về điều kiện thanh toán, thời hạn thanh toán thì bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 100% giá trị hợp đồng trước khi hàng xuất ra khỏi kho của bên nguyên đơn. Theo các tài liệu nguyên đơn cung cấp thì hóa đơn giá trị gia tăng số 0000755 ngày 24/4/2021 là hóa đơn cuối cùng, đồng thời với ngày xuất hóa đơn cũng là ngày nguyên đơn giao hàng cho bị đơn và bị đơn phải trả tiền cho nguyên đơn 100% giá trị hàng hóa trước khi xuất ra khỏi kho nhưng bị đơn không thực hiện. Do vậy, căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TAND Tối cao, yêu cầu tính lãi suất chậm trả của nguyên đơn đối với số tiền 2.731.295.930đ kể từ ngày 24/4/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa bị đơn cho rằng căn cứ khoản 4 Điều 7 của Hợp đồng nguyên tắc quy định “...Trong trường hợp bên A chậm thanh toán theo thời hạn thỏa thuận thì phải chịu phạt tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức là 5%/ngày...”, việc thỏa thuận như trên là không đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng nguyên tắc vô hiệu và bị đơn không phải trả tiền lãi cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định việc ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của hai bên. Mặc dù khoản 4 Điều 7 Hợp đồng nguyên tắc quy định bị đơn

không thanh toán cho nguyên đơn theo thời hạn thỏa thuận thì phải chịu phạt tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức là 5%/ngày, tuy nhiên thực tế trong quá trình mua bán hàng hóa bị đơn chưa trả cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền lãi nào. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo như quy định tại Hợp đồng được ký kết mà chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất chậm trả theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm xét xử. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất chậm trả là có căn cứ, vì vậy bị đơn đề nghị không tính lãi đối với số tiền hàng chưa thanh toán và cho rằng thỏa thuận lãi suất như trên là trái với quy định của pháp luật nên Hợp đồng vô hiệu nên bị đơn không trả tiền lãi suất chậm trả cho nguyên đơn là không có căn cứ, không được HĐXX chấp nhận.

Tính thời điểm nợ của bị đơn đối với nguyên đơn là từ ngày 24/4/2021 đến thời điểm xét xử là 23 tháng 07 ngày do vậy xác định đây là khoản vay trung hạn. Theo cung cấp thông tin lãi suất cho vay trung hạn tại thời điểm xét xử của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam (Vietinbank) là: 12,5%/năm; Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (vietcombank) là 11%/năm; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) là 9,8%/năm. Theo đó mức lãi suất trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng tại thời điểm xét xử là 11,1%/năm tương đương với 0,925%/tháng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tương đương 1,3875%/tháng. Do vậy, nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi và đề nghị Tòa án tính lãi suất chậm trả theo quy định tại thời điểm xét xử là có lợi hơn cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Số tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 24/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/3/2023) là 23 tháng 07 ngày, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất chậm trả tròn 23 tháng. Do vậy tiền lãi được tính như sau: $2.731.295.930đ \times 23 \text{ tháng} \times 1,3875\%/tháng = 871.624.814đ$.

Tổng số tiền gốc và lãi chậm trả là: 3.602.920.744đ. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên.

[3]**Về án phí:** Bị đơn phải thanh toán tiền cho nguyên đơn nên phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50, 306 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TAND Tối cao; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần NĐ đối với Công

ty gỗ H.

1. Buộc Công ty gỗ H phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần NĐ số tiền mua hàng còn nợ lại là: **2.731.295.930 và tiền lãi suất chậm trả là 871.624.814đ**. Tổng cộng là: **3.602.920.744đ (Ba tỷ sáu trăm linh hai triệu chín trăm hai mươi ngàn bảy trăm bốn bốn đồng)**.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. **Về án phí:** Công ty gỗ H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **104.058.415đ (Một trăm linh bốn triệu không trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm mười lăm đồng)**. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là **53.153.000đ (Năm mươi ba triệu một trăm năm mươi ba ngàn đồng)** cho công ty Cổ phần NĐ (do ông Lê Bảo Q nộp thay) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2021/0002441 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

3. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu